TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** TỈNH YÊN BÁI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 12 - 2022
V/v: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thanh Yên;

Ông Đinh Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định - Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 162/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXX - ST ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989; trú tại thôn M, xã M T, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Âu Văn Đ, sinh năm 1983; trú tại thôn C, xã X, huyện Y B, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 03-10-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:* Về quan hệ hôn nhân*:* Chị và anh Âu Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y B, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp

nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không còn quan tâm đến nhau; chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh Đ. Về con chung: Chị và anh Âu Văn Đ có một con chung là cháu Âu Anh Tuấn, sinh ngày 05-9-2010; chị N có nguyện vọng giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung; Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản cam kết (Bản tự khai) gửi đến Tòa án ngày 10/11/2022 (có chứng thực chữ ký), anh Âu Văn Đ trình bày: Anh Đ thừa nhận việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị Phạm Thị N trình bày nêu trên là đúng. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đ đồng ý ly hôn chị N. Về con chung: Anh Đ công nhận có một con chung với chị N là Âu Anh Tuấn, sinh ngày 05-9-2010. Anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Âu Anh T có đơn trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với bố vì bố có điều kiện nuôi cháu ăn,học.

Các đương sự đều có đơn xin không hòa giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

-Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Âu Văn Đ; giao con cho anh Âu Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Anh Âu Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn Cây Mơ, xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Phạm Thị N và anh Âu Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Phạm Thị N và anh Âu Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã X L, huyện Y B, tỉnh Yên Bái, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để chị N về đoàn tụ với anh Đ, cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Các đương sự đã thống nhất được việc nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận giao cháu Âu Anh Tuấn cho anh Âu Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do anh Âu Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Âu Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo*:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Âu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Âu Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Âu Anh Tuấn, sinh ngày 05-09-2010.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí*:* Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2021/0002874 ngày 03-10- 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị N, anh Âu Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Xuân Lai*
- *VKS huyện Yên Bình*
- *Chi cục THADS huyện Yên Bình*
- *Lưu HS, TA.*

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 33 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 7 - 2022
V/v: Ly hôn, con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Đức;

2. Ông Nguyễn Văn Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 28/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX - ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 23/TB-TA ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1987; có mặt.

- Bị đơn: Anh Âu Văn Đ, sinh năm 1982; vắng mặt.

Các đương sự đều trú tại thôn Cây Mơ, xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 20-02-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Âu Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau; chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh Đ. *Về con chung:* Chị và anh Âu Văn Đ có một con chung là cháu Lý Đức Huân, sinh ngày 06-01-2007; chị N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Âu Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị N giao nộp bản sao kê tài khoản tại Ngân hàng Thương mại

cổ phần Công thương Việt Nam (chi nhánh Yên Bái- Phòng giao dịch Yên Bình).

Về tài sản chung, nợ chung; Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Âu Văn Đ được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do.

Cháu Lý Đức Huân trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với mẹ vì bố cháu thường xuyên rượu chè và hay ảnh hưởng đến việc học hành của cháu và không có khả năng kinh tế lo học hành và cuộc sống cho cháu.

Tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu như đã nêu trên.

-Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Âu Văn Đ; giao con cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà , ý kiến của đương sự và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Anh Âu Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn Cây Mơ, xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Phạm Thị N và anh Âu Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để chị N về đoàn tụ với anh Đ, cùng nhau nuôi dạy

con chung, nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung*:*

Chị N có thu nhập đảm bảo cuộc sống và nuôi con, anh Huân không có ý kiến về việc nuôi con và không chứng minh điều kiện nuôi con nên cần giao con chung cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo tốt hơn về mọi mặt cho cháu Lý Đức Huân.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu, anh Âu Văn Đ không có ý kiến nên không xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo*:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Âu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Đức Huân, sinh ngày 06-01-2007.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí*:* Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001605 ngày 21-02- 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Âu Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Xuân Lai*
- *VKS huyện Yên Bình*
- *Chi cục THADS huyện Yên Bình*
- *Lưu HS, TA.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh